

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2020/DS-ST**

Ngày: 28-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Trần Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ trụ sở: phố L, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hải A**, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số: 123/UQ-NHCS ngày 05 tháng 10 năm 2019). (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Lâm Thị S**, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:

Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Sóc Trăng (viết tắt là Ngân hàng) đã giải ngân cho bà S vay tiền, cụ thể:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Ngân hàng đã giải ngân cho bà S vay số tiền 10.000.000 đồng, để chăn nuôi trâu bò, lãi suất 0,65%/tháng, lãi quá hạn 0,845%/tháng, thời hạn vay là 03 năm, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 19 tháng 12 năm 2017. Theo thỏa thuận thì 12 tháng trả gốc một lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 19. Sau khi được giải ngân thì bà S không trả nợ vay đúng thỏa thuận, tính đến ngày 05 tháng 9 năm 2019 bà S còn nợ số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 288.000 đồng.

Khoản vay thứ hai: Ngày 29 tháng 5 năm 2014, Ngân hàng giải ngân cho bà S vay số tiền 4.000.000 đồng, để xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh môi trường, lãi suất 0,8%/tháng, lãi quá hạn 1,04%/tháng, thời hạn vay là 05 năm, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 19 tháng 05 năm 2021. Theo thỏa thuận thì 12 tháng trả gốc một lần, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 19. Sau khi được giải ngân thì bà S không trả nợ vay đúng thỏa thuận, tính đến ngày 05 tháng 9 năm 2019 bà S còn nợ số tiền vốn vay là 4.000.000 đồng và tiền lãi là 742.212 đồng.

Bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay, nhiều lần Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà S vẫn không trả vốn vay, không trả lãi. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu bà S phải trả số tiền còn nợ của hai khoản vay tính đến ngày 15 tháng 9 năm 2019 là 15.030.212 đồng, gồm vốn vay là 14.000.000 đồng, tiền lãi là 1.030.212 đồng và tiếp tục yêu cầu tính lãi cho đến khi bà S thanh toán tất nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà S trả tiền lãi của hai khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 1.319.417 đồng. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu bà Lâm Thị S trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ của hai khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28 tháng 9 năm 2020) là 15.319.417 đồng, gồm vốn vay là 14.000.000 đồng, tiền lãi là 1.319.417 đồng và tiếp tục yêu cầu tính lãi cho đến khi bà S trả tất nợ.

- Đối với bị đơn bà Lâm Thị S:

Bà S đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các Giấy triệu tập; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà S đều vắng mặt không có lý do, không có văn bản tường trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng

không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Lâm Thị S trả số tiền vốn vay, tiền lãi còn nợ. Bà S cư trú tại Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[1.2] Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 8 năm 2020 thì Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là bà Kim Thị Cẩm Hương. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy vụ án không thuộc các trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy, bà S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S.

[1.4] Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà S trả tiền lãi của hai khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 1.319.417 đồng. Hội đồng xét xử thấy, khi khởi kiện thì Ngân hàng yêu cầu bà S trả tiền lãi còn nợ của hai khoản vay đến ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại phiên tòa sơ thẩm thì người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu bà S trả tiền lãi của hai khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngân hàng yêu cầu bà Lâm Thị S phải trả số tiền còn nợ của hai khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 15.319.417 đồng, gồm vốn vay là 14.000.000 đồng, tiền lãi là 1.319.417 đồng và tiếp tục yêu cầu tính lãi cho đến khi

bà S trả tất nợ. Bà Lâm Thị S thì không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy:

[2.2] Theo các chứng cứ Ngân hàng cung cấp gồm: Sổ vay vốn (Ngân hàng lưu trữ) tên người vay Lâm Thị S; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 25 tháng 6 năm 2013 (phê duyệt của Ngân hàng ngày 26 tháng 6 năm 2013); Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ tên khách hàng Lâm Thị S, mã món vay: 6000006200013878; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 13 tháng 5 năm 2014 (phê duyệt của Ngân hàng ngày 22 tháng 5 năm 2014); Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ tên khách hàng Lâm Thị S, mã món vay: 6600000701508251, thể hiện:

Ngày 25 tháng 6 năm 2013 và ngày 13 tháng 5 năm 2014 bà S đề nghị Ngân hàng vay hai khoản, một khoản vay số tiền 10.000.000 đồng để chăn nuôi, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 0,65%/tháng, một khoản vay số tiền 4.000.000 đồng để xây dựng công trình nước sạch vệ sinh môi trường, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 0,8%/tháng, lãi suất nợ quá hạn của hai khoản vay này là 130% lãi suất khi cho vay. Các ngày 28 tháng 6 năm 2013 và ngày 29 tháng 5 năm 2014 Ngân hàng đã giải ngân cho bà S vay tiền theo đề nghị, số tiền giải ngân của hai khoản vay là 14.000.000 đồng, bà S là người nhận tiền vay, có ký nhận (lấn tay) vào mục người vay của Sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định Ngân hàng đã giải ngân cho bà S vay tiền hai khoản vay, số tiền giải ngân là 14.000.000 đồng.

[2.3] Các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc các bên phải thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.4] Tại điểm b, tiểu mục 1, Mục 1 của Sổ vay vốn quy định quyền của bên cho vay: *“Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện hộ vay cung cấp thông tin sai sự thật, sử dụng vốn vay sai mục đích”* và điểm b, c tiểu mục 2.2. Mục 2 của Sổ vay vốn quy định về nghĩa vụ của hộ vay: *“Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung khác đã thỏa thuận trong Sổ vay vốn”, “Trả nợ gốc và tiền lãi vay theo thỏa thuận trong Sổ vay vốn”*. Ngoài ra, tại Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Theo quy định viện dẫn thì bà S phải có nghĩa vụ trả tiền vay đúng như thỏa thuận là 12 tháng phải trả gốc một lần, thế nhưng sau khi nhận tiền vay thì bà S không trả vốn vay theo thỏa thuận, đối với khoản vay 10.000.000 đồng Ngân hàng đã gia hạn

nợ cho bà S hai lần, còn khoản vay 4.000.000 đồng thì Ngân hàng đã gia hạn nợ cho bà S một lần, nhưng bà S vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay, tính đến ngày xét xử sơ thẩm bà S còn nợ Ngân hàng số tiền vốn vay của hai khoản vay là 14.000.000 đồng. Như vậy, bà S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ vay nên Ngân hàng yêu cầu bà S trả vốn vay còn nợ của hai khoản vay số tiền 14.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về tiền lãi: Theo các Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 25 tháng 6 năm 2013 (phê duyệt của Ngân hàng ngày 26 tháng 6 năm 2013) và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 13 tháng 5 năm 2014 (phê duyệt của Ngân hàng ngày 22 tháng 5 năm 2014) thì khoản vay 10.000.000 đồng hai bên thỏa thuận lãi suất là 0,65%/tháng, khoản vay 4.000.000 đồng hai bên thỏa thuận lãi suất là 0,8%/tháng, lãi suất nợ quá hạn của hai khoản vay này là 130% lãi suất khi cho vay và lãi vay trả định kỳ vào ngày 19. Thế nhưng bà S không trả lãi đúng thỏa thuận, đến ngày xét xử sơ thẩm thì khoản vay 10.000.000 đồng bà S đã trả lãi được số tiền 3.653.717 đồng, còn nợ số tiền 288.940 đồng, còn khoản vay 4.000.000 đồng thì bà S đã trả lãi được số tiền 1.437.790 đồng, còn nợ lại số tiền 1.030.477 đồng. Hội đồng xét xử thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, bà S không trả lãi đúng thỏa thuận, phát sinh nợ lãi, số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu đã tính đúng theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà S trả tiền lãi còn nợ của hai khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 1.319.417 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Như đã phân tích trên, Ngân hàng yêu cầu bà Lâm Thị S trả tiền vay còn nợ của hai khoản vay đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28 tháng 9 năm 2020) là 15.319.417 đồng, gồm vốn vay 14.000.000 đồng, tiền lãi 1.319.417 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.7] Về án phí sơ thẩm: Tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Lâm Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền $15.319.417 \text{ đồng} \times 05\% = 765.971 \text{ đồng}$ (tính tròn số là 766.000 đồng).

Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 471, Khoản 1 Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điểm c Khoản 1 Điều 11, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn bà Lâm Thị S về việc yêu cầu trả số tiền vốn vay, tiền lãi còn nợ.

2. Buộc bà Lâm Thị S phải trả cho Ngân hàng C số tiền còn nợ của hai khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28 tháng 9 năm 2020) là 15.319.417 đồng (*bằng chữ: Mười lăm triệu, ba trăm mười chín nghìn bốn trăm mười bảy đồng*), gồm:

- Vốn vay: 14.000.000 đồng (*bằng chữ: Mười bốn triệu đồng*).
- Tiền lãi: 1.319.417 đồng (*bằng chữ: Một triệu, ba trăm mười chín nghìn bốn trăm mười bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bà Lâm Thị S còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định trong khế ước vay ngày 28 tháng 6 năm 2013 (lãi suất là 0,65%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay) và khế ước vay ngày 29 tháng 5 năm 2014 (lãi suất là 0,8%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 130% lãi suất khi cho vay) cho đến khi thi hành xong nợ gốc chưa thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí.
- Bà Lâm Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 766.000 đồng (*bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản

án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT
XỬ**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Thanh Hải – Trần Quốc
Tuấn**

Cao Thành Đạt

